

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 2 - ĐẮC LẮK **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2026/HNGĐ-ST.

Ngày 23/03/2026.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐẮC LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Xuân Sơn**.

Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Trọng Thảo** và ông **Bành Trọng Bình**.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Tuấn** – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đắc Lắc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Đắc Lắc tham gia phiên tòa: Ông **Y Rin Niê Kdăm** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 03 năm 2026 tại Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đắc Lắc xét xử sơ thẩm theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 139/2025/TLST-HNGĐ ngày 05/11/2025 vụ án “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/02/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Bùi Thị Thục U** – sinh năm 2001.

Địa chỉ: Số B, TDP Q, xã Q, tỉnh Đắc Lắc (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn T** – sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn A, xã E, tỉnh Đắc Lắc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa chị Bùi Thị Thục U trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 15/05/2019 tại UBND xã E, huyện C, tỉnh Đắc Lắc (nay là xã Q, tỉnh Đắc Lắc).

Quá trình chung sống do tính tình không hợp, mâu thuẫn kéo dài trầm trọng, hạnh phúc không hàn gắn được nên chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- *Về con chung:* Hai vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Anh V – sinh ngày 26/03/2019 và Nguyễn Ngọc T1 – sinh ngày 17/9/2023 sau khi ly hôn chị Bùi Thị Thục U xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con cho đến khi con đủ 18 tuổi. nếu anh Nguyễn Văn T có nguyện vọng chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con nêu trên thì chị đồng ý vì bản thân chị thường xuyên đi làm ăn xa điều kiện chăm sóc các con chưa được đảm bảo.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Vợ chồng không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt), tại biên bản lấy lời khai ngày 20/11/2025 anh Nguyễn Văn T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Quá trình chung sống giữa anh và chị Bùi Thị Thục U do tính tình không hợp, mâu thuẫn kéo dài hạnh phúc không hàn gắn được theo như trình bày của chị U là đúng, nay chị U xin ly hôn anh đồng ý, không có ý kiến gì.

- *Về con chung*: Anh có nguyện vọng xin được chăm sóc nuôi dưỡng 02 con vì bản thân anh đã nuôi 02 con từ nhỏ đến nay, chị U về ở nhà bố mẹ đẻ không thường xuyên chăm sóc các con nên anh xin được nuôi 02 con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Vợ chồng không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*:

Trong quá trình giải quyết vụ án việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

+ *Về việc giải quyết vụ án*:

Căn cứ Điều 26, 35, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 55, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Bùi Thị Thục U.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Tuyên chị Bùi Thị Thục U được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- *Về con chung*: hai vợ chồng thỏa thuận giao các con Nguyễn Anh V – sinh ngày 26/03/2019 và Nguyễn Ngọc T1 – sinh ngày 17/9/2023 cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng, chăm sóc các con cho đến khi các con đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- *Về án phí*: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn T hợp lệ nhưng trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa anh Nguyễn Văn T vẫn vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt). Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bùi Thị Thục U và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 15/05/2019 tại UBND xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã Q, tỉnh Đắk Lắk) trên nguyên tắc tự nguyện, phù hợp pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, mặc dù Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng và tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được, lý do anh Nguyễn Văn T chỉ nhận văn bản tố tụng và xin giải quyết vắng mặt. Về mâu thuẫn vợ chồng quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị Bùi Thị Thục U và anh Nguyễn Văn T đều thừa nhận do tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc không hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, vợ chồng ly thân từ đầu năm 2025 cho đến nay, nay chị U làm đơn ly hôn anh T đồng ý không có ý kiến gì.

Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cũng như qua xem xét tình trạng hôn nhân của hai vợ chồng tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định vợ chồng chị Bùi Thị Thục U, anh Nguyễn Văn T mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, không hàn gắn được hạnh phúc là phù hợp với lời khai của chị Bùi Thị Thục U và anh Nguyễn Văn T. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị Thục U, anh Nguyễn Văn T2 tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Thục U là có cơ sở nên cần chấp nhận đơn ly hôn của chị Bùi Thị Thục U.

[3] *Về con chung*: Xét các con chung của vợ chồng hiện nay anh Nguyễn Văn T đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc từ nhỏ, cũng như ý kiến của chị Bùi Thị Thục U nếu anh T nuôi thì chị chấp nhận vì lý do chị đi làm ăn xa chưa có điều kiện để chăm sóc các con, để nhằm ổn định cuộc sống cho các cháu, Hội đồng xét xử xét cần để cho anh Nguyễn Văn T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng các con là Nguyễn Anh V – sinh ngày 26/03/2019 và Nguyễn Ngọc T1 – sinh ngày 17/9/2023 như hiện tại cho đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

[5] *Về tài sản chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[6] *Về nợ chung*: Vợ chồng không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[7] *Về án phí*: Đương sự phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 91, Điều 186, Điều 188, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị Thục U.

1/ *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bùi Thị Thục U được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2/ *Về con chung*: Giao cho anh Nguyễn Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung tên là Nguyễn Anh V – sinh ngày 26/03/2019 và Nguyễn Ngọc T1 – sinh ngày 17/9/2023 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3/ *Về cấp dưỡng nuôi con*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

4/ *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

5/ *Về án phí*: Chị Bùi Thị Thục U phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0003941 ngày 04/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, chị U đã nộp đủ.

6/ *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ;
- VKSND tỉnh ;
- VKSND Khu vực ;
- Các đương sự;
- Phòng THA dân sự Khu vực;
- UBND xã Quảng P;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)**

Bùi Xuân Sơn

